**Mẫu 2. DMHNH-LT-PT-NĐKAT**

09/2016/TT-BKHCN

**DANH MỤC TÊN, KHỐI LƯỢNG HÀNG NGUY HIỂM VÀ LỊCH TRÌNH VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM;**

**DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN**

**VÀ NGƯỜI ÁP TẢI HÀNG NGUY HIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hàng nguy hiểm | Khối lượng vận chuyển | Chủ phương tiện vận chuyển | Phương tiện vận chuyển | Tải trọng phương tiện | Thời gian vận chuyển  (dự kiến) | Lịch trình vận chuyển | | | Người điều khiển phương tiện | Người áp tải hàng nguy hiểm |
| Điểm nhận hàng | Điểm trung chuyển | Điểm giao hàng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*(2): Ghi rõ tên hàng nguy hiểm, loại, nhóm hàng, số UN và số hiệu nguy hiểm theo quy định tại Nghị định nêu trong Thông tư này;*

*(3): Ghi rõ khối lượng hàng nguy hiểm cần vận chuyển;*

*(4): Ghi rõ tên chủ sở hữu phương tiện (địa chỉ, nếu có);*

*(5,6): Ghi rõ loại phương tiện, biển kiểm soát, tải trọng của phương tiện (theo đúng Giấy đăng ký phương tiện);*

*(7, 8, 9,10): Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ nơi đi, nơi đến bao gồm từ điểm nhận hàng đến kho của tổ chức, cá nhân và từ kho đến các địa điểm khác (nếu có);*

*(11, 12): Ghi rõ họ tên và số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của người điều khiển, người áp tải.*

*……, ngày……tháng……năm……….*

**Đại diện tổ chức, cá nhân**

*(Ký tên, đóng dấu)*